

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 29 -01- 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Bách Tùng và bà Dương Thị Bình
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, tHnh phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:* Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số B62/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: B62/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST- DS ngày 12/01/2021; giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **Ngân Hàng TMCP S**; địa chỉ: Lầu T, 266 -26T Đường N, Phường T, Quận B, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ, theo Giấy ủy quyền số: 1159/2020/GUQ - PL ngày 05/5/2020. Ngày 01/10/2020, bà Hồ Thị Minh T ủy

quyền lại cho ông Trương Đình V – Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S theo văn bản ủy quyền số 105B/2020/UQ-TTT. *Có mặt.*

+ *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngân H**, sinh năm 19T2; địa chỉ: Căn hộ B06, tầng B, NH B1, cuối tuyến B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 1B/10/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Đình V trình bày:*

Ngày 0B/T/2012, bà Nguyễn Thị Ngân H có ký với Ngân hng TMCP S (gọi tắt là Ngân Hàng), hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng – các tài liệu gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1B.T66.BTT đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.550.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/02/201T, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 2B của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20/5/2020, bà H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 12.450.T42 đồng; nợ lãi: 11.109.550 đồng. Tổng cộng: 2B.560.B92 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn ba trăm chín mươi hai đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị Ngân H phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 29/01/2021 là: 26.960.182 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc: 12.450.842 đồng; nợ lãi: 14.509.340 đồng.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngân H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà H trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Đình V chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngân H không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Ngân H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị Ngân H phải trả cho Ngân hàng số tiền 26.960.182 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc: 12.450.842 đồng; nợ lãi: 14.509.340 đồng (lãi tạm tính đến ngày 29/01/2021) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/01/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2012.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Ngân H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị Ngân H (*là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố*) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 03/8/2012, bà Nguyễn Thị Ngân H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng), hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng – các tài liệu gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Hà, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Hà đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 17.866.388 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.550.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/02/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 20/5/2020, bà Hà còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 12.450.842 đồng; nợ lãi: 11.109.550 đồng. Tổng cộng: 23.560.392 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn ba trăm chín mươi hai đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Hà có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Hà vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn S kính đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị Ngân H phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 29/01/2021 là: 26.960.182 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc: 12.450.842 đồng; nợ lãi: 14.509.340 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 30/01/2021 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Ngân H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[3.1]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Ngân H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu bà Ngân thanh toán nợ nhưng đến nay bà H vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2012. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngân H phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay kiêm Khê ước nhận nợ là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận.

[3.2]. Lãi suất, phí tiếp tục được tính kể từ ngày 30/01/2021 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2012 cho đến khi bà Hà thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngân H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cụ thể số tiền bà Nguyễn Thị Ngân H phải chịu là $(26.960.182 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.348.009 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Ngân H.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngân H phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP S số tiền: 26.960.182 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn một trăm tám mươi hai đồng*). Trong đó nợ gốc: 12.450.842 đồng; nợ lãi: 14.509.340 đồng (lãi tạm tính đến ngày 29/01/2021) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/01/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/8/2012.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí DS- ST: 1.348.009 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn không trăm lẻ chín đồng*) bà Nguyễn Thị Ngân H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 589.009 đồng (*Năm trăm tám mươi chín ngàn không trăm lẻ chín đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6319 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đông Thanh

